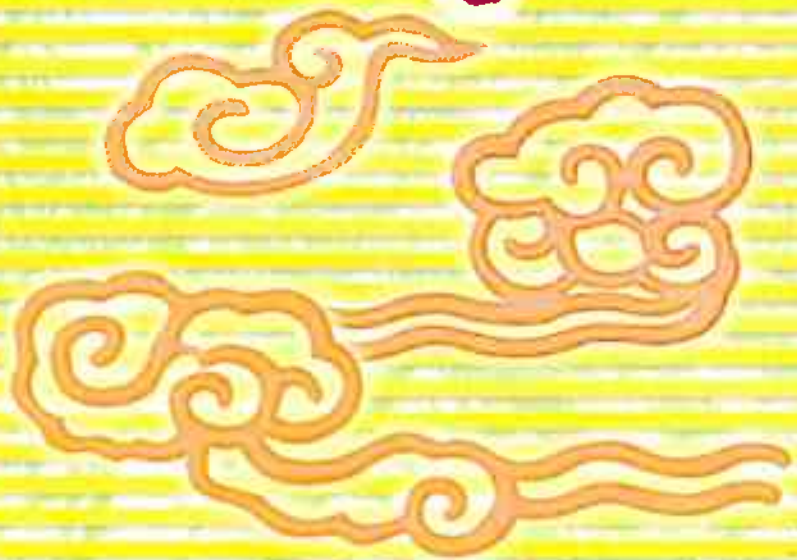


Nguyễn Thị Bích Hà

Giáo trình

Văn học
dân gian
Việt Nam



NHÀ XUẤT BẢN ĐẠI HỌC SƯ PHẠM

NGUYỄN THỊ BÍCH HÀ

GIÁO TRÌNH
VĂN HỌC DÂN GIAN VIỆT NAM

(In lần thứ năm)

NHÀ XUẤT BẢN ĐẠI HỌC SƯ PHẠM



UNIVERSITY OF EDUCATION PUBLISHING HOUSE

GIÁO TRÌNH VĂN HỌC DÂN GIAN VIỆT NAM

Nguyễn Thị Bích Hà

Sách được xuất bản theo chỉ đạo biên soạn của Trường Đại học Sư phạm Hà Nội phục vụ công tác đào tạo.

Bản quyền xuất bản thuộc về Nhà xuất bản Đại học Sư phạm.
Mọi hình thức sao chép toàn bộ hay một phần hoặc các hình thức phát hành
mà không có sự cho phép trước bằng văn bản
của Nhà xuất bản Đại học Sư phạm đều là vi phạm pháp luật.

Chúng tôi luôn mong muốn nhận được những ý kiến đóng góp của quý vị độc giả để sách ngày càng hoàn thiện hơn. Mọi góp ý về sách, liên hệ về bản thảo và dịch vụ bản quyền xin vui lòng gửi về địa chỉ email: bientap@nxbdhsp.edu.vn

Mã số sách tiêu chuẩn quốc tế: ISBN 978-604-54-0653-3

MỤC LỤC

Trang

LỜI NÓI ĐẦU	5
Phần I. KHÁI QUÁT VỀ VĂN HỌC DÂN GIAN VIỆT NAM	6
Phần II. CÁC THỂ LOẠI VĂN HỌC DÂN GIAN.....	20
Thần thoại.....	20
Truyện thuyết.....	45
Truyện cổ tích	70
Truyện cười	105
Truyện ngụ ngôn.....	121
Vè	137
Tục ngữ.....	160
Câu đố	177
Sân khấu dân gian	192
Ca dao, dân ca.....	214
Sử thi.....	255
Truyện thơ.....	277
TỔNG KẾT.....	289
TÀI LIỆU THAM KHẢO.....	299

NHỮNG CHỮ VIẾT TẮT TRONG GIÁO TRÌNH

VHDG:	VHDG
DHSPHN:	Đại học Sư phạm Hà Nội
VNH:	Việt Nam học
VH:	Văn học
TK:	thế kỉ
TP. HCM:	Thành phố Hồ Chí Minh
DNA:	Đông Nam Á
KHXH:	Khoa học xã hội
UBKHXHVN:	Ủy ban Khoa học Xã hội Việt Nam
DH&THCN:	Đại học và Trung học chuyên nghiệp
DHTH:	Đại học Tổng hợp
DHQGHN:	Đại học Quốc gia Hà Nội

LỜI NÓI ĐẦU

Giáo trình Văn học dân gian Việt Nam không chỉ hướng người học tìm hiểu văn học dân gian (VHDG) như một bộ phận của văn chương mà còn coi VHDG như đối tượng xã hội văn hoá, giúp người học từng bước tìm hiểu đất nước, con người, tâm hồn, phẩm chất Việt Nam qua các thể loại VHDG, các phương thức nghệ thuật thể hiện những nét tâm hồn, phẩm chất đó. Đồng thời qua VHDG truyền thống, người học có thể rút ra những đặc điểm có tính quy luật về tính cách Việt Nam đã và đang tác động cả tích cực lẫn tiêu cực tới mọi hoạt động của người Việt Nam trong thời hiện đại.

Giáo trình gồm hai phần: *Phần I* giới thiệu khái quát những vấn đề của VHDG. *Phần II* giới thiệu một số thể loại tiêu biểu và đặc sắc của VHDG, bao gồm: Thần thoại, Truyền thuyết, Truyện cổ tích, Truyện cười, Truyện ngụ ngôn, Sử thi, Truyện thơ, Vè, Câu đố, Tục ngữ, Ca dao, Múa rối nước, Chèo.

Quá trình biên soạn khó tránh khỏi thiếu sót. Tác giả mong nhận được những đóng góp của độc giả để giáo trình được hoàn thiện hơn.

TÁC GIẢ

Phần I

KHÁI QUÁT VỀ VĂN HỌC DÂN GIAN VIỆT NAM

I. ĐỊNH NGHĨA VĂN HỌC DÂN GIAN

VH dân tộc gồm hai bộ phận: Văn học dân gian (VHDG) và văn học thành văn (VH viết). Trong đó, VHDG là bộ phận ra đời sớm hơn, giữ vai trò mở đường cho VH hình thành và phát triển.

VHDG ra đời từ sớm, khi chữ viết chưa hình thành. Ở Việt Nam, suốt một thời gian dài, VH dân tộc chỉ có một bộ phận duy nhất là VHDG, sau đó mới có chữ viết và VH viết. Nhưng do đặc điểm lịch sử khá đặc biệt của Việt Nam, chữ viết ra đời muộn, sớm bị xâm lược và bị âm mưu đồng hoá nên một thời gian dài người Việt Nam sử dụng văn tự Hán để sáng tác... Vì vậy, ngay cả khi đã có chữ viết và VH viết thì trước thế kỉ XX, đa số dân chúng Việt Nam vẫn chỉ sử dụng một bộ phận VH dân tộc là VHDG mà thôi.

Giữa VHDG và VH viết có một số điểm tương đồng. Chúng cùng sử dụng ngôn từ như phương tiện quan trọng nhất để sáng tạo hình tượng nghệ thuật, cùng thể hiện tư tưởng, quan niệm, thái độ, tình cảm của tác giả qua những hình tượng nghệ thuật đó. Hơn nữa, chúng cùng tác động đến thực tiễn, có tác dụng cải biến thực tiễn...

Tuy nhiên, giữa VHDG và VH viết có nhiều nét khác biệt, thậm chí những khác biệt đó mang tính bản chất. Trước hết, VHDG sử dụng ngôn ngữ nói, còn VH viết sử dụng ngôn ngữ viết. Ngôn ngữ nói gắn với lời nói thông dụng, còn ngôn ngữ viết là ngôn ngữ đậm tính nghệ thuật. VHDG thường tác động trực tiếp đến thực tiễn, còn VH viết lại tác động một cách gián tiếp, qua nhận thức và thái độ của người đọc. Trong hoạt động thực tiễn, VHDG tham gia như một bộ phận không tách rời.

Đó là những câu hát không thể thiếu trong các trò chơi dân gian, những câu hò gắn với hoạt động lao động như để tổ chức nhịp điệu lao động tập thể cho nhịp nhàng, hứng khởi và tăng tính hiệu quả, những câu hát ru được hát khi cần cho bé ngủ... VH viết chỉ ra mặt công chúng sau khi tác giả đã hoàn thành sáng tác của mình, còn VHDG luôn được công chúng tham gia sáng tạo, sửa chữa, thêm bớt, biến nó thành vô danh trong quá trình sáng tác và thưởng thức của tập thể. Chính sự tham gia một cách tự nhiên và sâu sắc của tập thể vào sáng tác dân gian nên mỗi tác phẩm VHDG dường như đều có một vài dị bản. Tính dị bản là tất yếu ở VHDG.

Khác với VH viết, VHDG không chỉ là một bộ phận của VH dân tộc mà còn là một bộ phận trong lĩnh vực rộng hơn là văn hoá dân gian. Đó chính là lí do khiến VHDG được nhìn nhận với nhiều tư cách, một mặt như VH dân tộc, mặt khác như văn hoá dân gian.

Văn hoá dân gian, thuật ngữ quốc tế là “folklore”. Đây là một từ ghép, “folk” là nhân dân, “lore” là trí khôn, trí tuệ. “Folklore” có nghĩa là trí khôn của nhân dân hay còn gọi là văn hoá dân gian. Tuy nhiên, cho đến nay vẫn có một số quan niệm khác nhau về mức độ rộng hẹp của khái niệm “folklore”.

Quan niệm rộng nhất coi folklore là sáng tạo tinh thần và sáng tạo vật chất mang tính nghệ thuật của nhân dân lao động, trong đó có VHDG, hội hoạ dân gian, nghi lễ dân gian, tạo hình dân gian, kiến trúc dân gian, y học dân gian, ẩm thực dân gian, tín ngưỡng, tôn giáo dân gian, cả bùa chú, phong thủy, trấn yểm... Khái niệm này tương đương với văn hoá dân gian.

Quan niệm hẹp hơn coi folklore là những sáng tạo văn hoá – nghệ thuật tinh thần của nhân dân, gồm VHDG, lễ hội dân gian (hội hè đình đám), hội hoạ dân gian, âm nhạc dân gian... Khái niệm này tương đương với văn nghệ dân gian (VNDG).

Quan niệm hẹp nhất đồng nhất folklore với VHDG, coi nó chỉ là những sáng tác nghệ thuật ngôn từ, văn hoá ngôn từ mà thôi.

Chúng tôi thiên về quan niệm coi folklore là khái niệm tương đương với thuật ngữ văn hoá dân gian, bao gồm những sáng tác tinh thần và một số loại của sáng tạo vật chất mang tính nghệ thuật, của tập thể nhân dân, những người trực tiếp sản xuất ra của cải vật chất cho xã hội và sáng tạo văn hoá nghệ thuật như một hoạt động không chuyên. Trong văn hoá dân gian, VHDG là bộ phận văn hoá ngôn từ.

Như vậy: *VHDG vừa là một bộ phận của VH dân tộc, vừa là bộ phận nghệ thuật ngôn từ truyền miệng của văn hoá dân gian, phản ánh sinh hoạt xã hội, công việc làm ăn, đời sống tâm lí, tình cảm, thái độ, nguyện vọng, kinh nghiệm mọi mặt của nhân dân lao động các thế hệ.*

II. ĐẶC TRƯNG CỦA VĂN HỌC DÂN GIAN

1. Văn học dân gian là sáng tạo của tập thể

Đây là đặc trưng xã hội của VHDG, là đặc điểm nổi bật của VHDG với tư cách là VH truyền miệng, là tính chất đặc thù trong sáng tạo và lưu truyền VHDG.

Nhiều tác phẩm VHDG là sáng tạo của tập thể theo nghĩa đen của khái niệm này. Người ta sáng tác khi cùng chèo đò, kéo gõ, giã gạo, đi hội, hoặc lao động trên một cánh đồng... Có thể một người hát lên một câu, những người khác thêm vào những câu khác để cuối cùng thành một bài ca hoàn chỉnh. Nếu sáng tác đó hay, nó được mỗi người trong tập thể nhớ và truyền lại cho những người khác khi sinh hoạt tập thể. Không ai còn nhớ nó bắt đầu như thế nào và không ai là tác giả chính thức của những sáng tác đó.

Nói đến tính tập thể không có nghĩa là phủ nhận vai trò cá nhân. Không phải tất cả các tác phẩm VHDG đều do tập thể sáng tạo. Có nhiều sáng tác lúc đầu vốn là của một cá nhân, bắt nguồn từ cảm xúc rất riêng tư. Nhưng sau khi nó xuất hiện, tập thể thấy hấp dẫn, phù hợp với tâm lí và tình cảm chung liền tiếp nhận nó, lưu giữ và truyền tụng từ người này qua người khác. Trong quá trình lưu truyền đó, tác phẩm được sửa sang, chỉnh lí, nhào nặn lại tùy theo nhu cầu của tập thể. Tác giả ban đầu của sự sáng tạo cũng không có ý thức giữ bản quyền của mình. Do đó nó được tập thể hoá, trở thành sản phẩm của tập thể.

Quá trình hình thành một tác phẩm VHDG khá dài, diễn ra theo hai chiều không gian và thời gian. Không gian lưu truyền VHDG rất rộng, từ địa phương này đến địa phương khác, từ đất nước này đến đất nước khác; thời gian lưu truyền cũng rất dài, từ ngày này sang ngày khác, năm này sang năm khác, thời đại này sang thời đại khác. Vì vậy, đời sống của một tác phẩm VHDG có thể là vô hạn về cả không gian và thời gian. Quá trình đó cũng là quá trình tác phẩm được biến đổi và bồi đắp không ngừng, khiến cho mỗi sáng tác đó vừa có tính dị bản vừa mang tính địa phương, tính thời đại. Một câu ca dao quen thuộc của Hà Nội: *"Gió đưa cành trúc la đà, tiếng chuông Trấn Vũ, canh gà Thọ Xương"* và câu ca dao của Huế: *"Gió đưa cành trúc la đà, tiếng chuông Thiên Mu, canh gà Thọ Xương"* chắc chắn có cùng một gốc và đã mang khá rõ đặc trưng này.

Quá trình sáng tác một tác phẩm VHDG cũng chính là quá trình biểu diễn, chỉnh lí, bổ sung, hoàn thiện tác phẩm của tập thể, trong suốt không gian và thời gian.